THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1092/QĐ - TTg	*Hà Nội, ngày 02 tháng 9 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 3262
Ngày: 7/9/18
...CT, PCT Ngọc...
Chuyển: ...PCVP Nhung...

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phòng KGVX (T/h)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Sức khoẻ là vốn quý nhất của mỗi người dân và của cả xã hội, là mục tiêu của phát triển bền vững đồng thời cũng là nhân tố quyết định để đạt được sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

2. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các ngành, trong đó ngành Y tế là nòng cốt.

3. Thực hiện nguyên tắc toàn diện trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; mỗi người dân cần được quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe một cách liên tục trong suốt cuộc đời.

4. Đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân phải được ưu tiên hàng đầu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của mỗi địa phương; nguồn lực đầu tư được huy động từ nhiều nguồn, trong đó ngân sách nhà nước tập trung cho các hoạt động phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Xây dựng môi trường hỗ trợ, tăng cường năng lực cho mỗi người dân; thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Bảo đảm chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực để cải thiện tầm vóc và nâng cao sức khỏe cho người dân.

b) Mục tiêu 2: Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của mỗi người dân và cộng đồng để chủ động dự phòng các yếu tố nguy cơ phổ biến đối với sức khỏe nhằm phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

c) Mục tiêu 3: Thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe liên tục, lâu dài tại tuyến y tế cơ sở để góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, tử vong và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN

1. Phạm vi

Chương trình Sức khỏe Việt Nam là một chương trình tổng thể nhằm kết nối các chương trình, dự án, đề án trong những lĩnh vực liên quan để tập trung thực hiện được các mục tiêu ưu tiên về sức khỏe.

Chương trình được triển khai trên quy mô toàn quốc từ năm 2018 đến năm 2030. Từ năm 2031 trở đi, căn cứ thực trạng, nhu cầu và kết quả thực hiện của Chương trình đã triển khai để xác định mục tiêu và các lĩnh vực ưu tiên tiếp theo của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

2. Đối tượng thụ hưởng: Toàn dân, trong đó có nhóm đối tượng được ưu tiên xác định theo từng lĩnh vực cụ thể.

3. Các lĩnh vực ưu tiên

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2030, Chương trình Sức khỏe Việt Nam tập trung vào 11 lĩnh vực chia làm 03 nhóm, cụ thể như sau:

- Thứ nhất, nâng cao sức khỏe: (1) bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, (2) tăng cường vận động thể lực;

- Thứ hai, bảo vệ sức khỏe và phòng bệnh: (3) chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh, (4) phòng chống tác hại của thuốc lá, (5) phòng chống tác hại của rượu, bia, (6) vệ sinh môi trường, (7) an toàn thực phẩm;

- Thứ ba, chăm sóc sức khỏe ban đầu, kiểm soát bệnh tật: (8) phát hiện sớm và quản lý một số bệnh không lây nhiễm, (9) chăm sóc, quản lý sức khỏe người dân tại cộng đồng, (10) chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, (11) chăm sóc sức khỏe người lao động.

Đối với những nội dung khác không đề cập trong 11 lĩnh vực ưu tiên của Chương trình Sức khỏe Việt Nam thì các bộ, ngành, địa phương vẫn chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch để ưu tiên triển khai theo ngành, lĩnh vực.

4. Các chỉ tiêu đến năm 2025 và 2030 của từng lĩnh vực

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030
Thực hiện Mục tiêu 1		
1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý		
1) Giảm tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	<20%	<15%
2) Khống chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì	<12%	<10%
3) Tăng chiều cao trung bình của thanh niên (18 tuổi) - Nam (cm) - Nữ (cm)	 167 156	 168,5 157,5
4) Giảm tỷ lệ người trưởng thành ăn thiếu rau/ trái cây	50%	45%
5) Giảm mức tiêu thụ muối /người/ngày (gam)	<8g	<7g
2. Tăng cường vận động thể lực		
6) Giảm tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực: - Người 18 - 69 tuổi - Trẻ em 13 - 17 tuổi	 25% 60%	 20% 40%
Thực hiện Mục tiêu 2		
3. Phòng chống tác hại của thuốc lá		
7) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	37%	32,5%
8) Giảm tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân - Tại nhà - Nơi làm việc	 50% 35%	 40% 30%
4. Phòng chống tác hại của rượu, bia		
9) Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành	39%	35%
5. Vệ sinh môi trường		
10) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch - Nông thôn - Thành thị	 75% 90%	 90% 95%
11) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh - Nông thôn - Thành thị	 85% >95%	 100% 100%
12) Tăng tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng (trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh)	50%	70%
6. An toàn thực phẩm		
13) Giảm số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (so với trung bình giai đoạn 2011-2015)	10%	20%
14) Tăng tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	90%	>95%
15) Tăng tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm	90%	>95%

7. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh		
16) Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ: - 12 loại vắc xin - 14 loại vắc xin	>95%	>95%
17) Tăng tỷ lệ trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh - Trường mầm non - Trường tiểu học	70% 75%	90% 100%
18) Tăng tỷ lệ học sinh được tầm soát phát hiện giảm thị lực, được kê đơn kính và được hướng dẫn rèn luyện thị lực	40%	60%
Thực hiện Mục tiêu 3		
8. Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm		
19) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	95%	100%
20) Tăng tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	50%	70%
21) Tăng tỷ lệ quản lý tăng huyết áp	25%	>40%
22) Tăng tỷ lệ phát hiện đái tháo đường	50%	70%
23) Tăng tỷ lệ quản lý đái tháo đường	>30%	>40%
24) Tăng tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (Ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại trực tràng)	40%	50%
9. Quản lý sức khỏe người dân		
25) Tỷ lệ người dân được được quản lý, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng	90%	95%
10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi		
26) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	100%	100%
11. Chăm sóc sức khỏe người lao động		
27) Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được phát hiện bệnh nghề nghiệp	50%	70%
28) Tỷ lệ xã thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và làng nghề,...)	40%	50%

IV. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Giải pháp về quản lý chỉ đạo, thực thi chính sách và phối hợp liên ngành

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp để tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Các cấp chính quyền chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đưa vào chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và ưu tiên phân bổ kinh phí hằng năm để đạt được các mục tiêu sức khỏe ở từng địa phương trên cơ sở các mục tiêu sức khỏe của quốc gia.

b) Tăng cường trách nhiệm của các bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương để phối hợp triển khai thực hiện các chính sách, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam thuộc phạm vi do ngành, lĩnh vực phụ trách.

c) Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng và hỗ trợ xã hội cho người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội khác theo quy định, bảo đảm sự phối hợp và kết nối hiệu quả giữa ngành lao động - thương binh và xã hội và ngành y tế.

d) Hoàn thiện, thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về kiểm soát yếu tố nguy cơ, thúc đẩy các yếu tố tăng cường sức khỏe và phòng, chống bệnh tật:

- Thực hiện nghiêm Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; Luật Bảo vệ môi trường; Luật An toàn thực phẩm; Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Người cao tuổi; Luật trẻ em; Chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn đến năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác.

- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, quy định pháp luật về quản lý, kiểm soát việc quảng cáo, kinh doanh và tăng thuế phù hợp để hạn chế sử dụng thuốc lá, đồ uống có cồn, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga, phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm khác có nguy cơ với sức khỏe, đặc biệt là các sản phẩm dành cho trẻ em.

- Rà soát, đề xuất, bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích sản xuất, cung cấp và tiêu thụ các thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận, sử dụng không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục, thể thao; phát triển giao thông công cộng, giao thông phi cơ giới, đồng thời bảo đảm các tiện ích cho người khuyết tật, người cao tuổi tại các khu vực công cộng.

2. Giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ

a) Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý:

- Chăm sóc dinh dưỡng cho 1000 ngày vàng đầu đời bao gồm: thực hiện chăm sóc và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh;

nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.

- Giám sát tình trạng dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai; phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề dinh dưỡng trong tình trạng khẩn cấp.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và giảm muối trong khẩu phần ăn:

+ Quy định và thực hiện nghiêm việc dán nhãn đối với thực phẩm chế biến sẵn trong đó công bố năng lượng, hàm lượng muối, đường, chất béo bão hòa, chất béo thể chuyển hóa (thể trans), vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm và cảnh báo sức khỏe cho người tiêu dùng.

+ Tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng cho người lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; tư vấn về dinh dưỡng cho người lao động.

+ Thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho cộng đồng, người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em về chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn giảm muối, ăn đủ rau và trái cây và hạn chế sử dụng thực phẩm không có lợi cho sức khỏe. Kê đơn dinh dưỡng và vận động thể lực trong quản lý và điều trị người mắc bệnh không lây nhiễm.

+ Áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm.

b) Tăng cường vận động thể lực cho người dân:

- Hỗ trợ người dân tăng cường vận động thể lực theo khuyến cáo:

+ Phát động phong trào 10.000 bước chân mỗi ngày để vận động, khuyến khích, hỗ trợ cho người dân tham gia và duy trì thói quen vận động thể lực bằng hình thức đi bộ.

+ Huy động, cung cấp, tạo điều kiện cho người dân ở cộng đồng có đường đi bộ an toàn và thuận tiện, được tiếp cận, sử dụng không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục, thể thao; tạo điều kiện, thúc đẩy người dân sử dụng giao thông công cộng, giao thông phi cơ giới.

+ Tổ chức các chương trình, mô hình vận động thể lực tại cộng đồng dân cư gắn với các hoạt động, sinh hoạt cộng đồng theo nhóm đối tượng, nhóm tuổi; kèm theo các hướng dẫn, hỗ trợ để làm cho người dân hình thành và duy trì thói quen vận động thể lực hằng ngày.

+ Tổ chức các hình thức vận động thể lực, thể dục giữa giờ phù hợp cho người lao động tại nơi làm việc, đặc biệt cho những người làm việc văn phòng.

+ Thực hiện tư vấn, hướng dẫn về vận động thể lực cho người dân và bệnh nhân, lồng ghép kê đơn vận động thể lực trong quản lý bệnh không lây nhiễm tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng.

- Tăng cường vận động thể chất cho trẻ em, học sinh, sinh viên:

+ Tổ chức tốt các chương trình giáo dục thể chất trong trường học; bảo đảm không gian, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các hoạt động luyện tập, rèn luyện thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục theo quy định.

+ Duy trì các hoạt động thể dục đầu giờ, giữa giờ và bảo đảm số giờ thể dục trong chương trình chính khóa. Tổ chức đa dạng các loại hình vận động thể lực ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ. Bảo đảm mỗi học sinh tối thiểu được vận động thể lực 60 phút trong một ngày.

c) Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh:

- Tiêm chủng cho trẻ em: Bảo đảm việc cung ứng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng; nâng cao chất lượng mạng lưới cung cấp dịch vụ tiêm chủng, tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho mọi trẻ em trong diện tiêm chủng. Áp dụng công nghệ thông tin để triển khai và duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tiêm chủng quốc gia.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho học sinh:

+ Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý bao gồm: ăn tối thiểu 3 bữa ăn/ngày; ăn đủ rau và trái cây; hạn chế ăn đồ ăn nhanh, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga; giảm muối trong khẩu phần ăn.

+ Có chương trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn bảo đảm chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho nhóm học sinh tuổi tiền dậy thì và dậy thì để phát triển tốt về thể lực và tầm vóc.

+ Xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục có ăn bán trú, nội trú hoặc có cung cấp dịch vụ ăn uống.

+ Quản lý hoạt động của căng - tin, dịch vụ trong trường học nhằm hạn chế tiếp cận của học sinh với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; thực thi quy định không bán sản phẩm, thực phẩm không có lợi cho sức khỏe ở khu vực cổng trường.

+ Tư vấn sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh và phụ huynh học sinh; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, phát triển và kiểm tra sức khỏe của học sinh để phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe và bệnh tật; duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

- Chăm sóc mắt cho trẻ em:

+ Cung cấp các dụng cụ, công cụ đơn giản cho các trạm y tế xã và các trường học kết hợp với hướng dẫn, hỗ trợ trẻ em, học sinh thường xuyên tự đánh giá phát hiện ban đầu tình trạng giảm thị lực.

+ Tổ chức khám, kê đơn kính, theo dõi và hướng dẫn chăm sóc mắt cho những trẻ em, học sinh giảm thị lực.

+ Tổ chức các hoạt động ngoài trời phù hợp cho học sinh để tăng thời gian trẻ em được vận động thể lực ngoài trời, tăng thời gian mắt được rèn luyện thị lực bằng ánh sáng tự nhiên.

d) Phòng chống tác hại của thuốc lá:

- Đổi mới hình ảnh và thông điệp cảnh báo sức khỏe trên vỏ bao thuốc lá.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá tại Trung ương, các địa phương và cộng đồng. Tổ chức triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả. Thực hiện triệt để và xử phạt nghiêm hành vi vi phạm quy định không hút thuốc nơi công cộng, trường học, bệnh viện, gia đình, cơ quan, xí nghiệp.

- Thực hiện lộ trình tăng thuế thuốc lá theo Luật về thuế tiêu thụ đặc biệt để giảm đối tượng, mức độ sử dụng.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn và điều trị cai nghiện thuốc lá tại các cơ sở y tế và cộng đồng trên phạm vi toàn quốc.

đ) Phòng chống tác hại của sử dụng rượu, bia và đồ uống có cồn khác:

- Thực hiện nghiêm Chính sách Quốc gia về phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia theo Quyết định số 244/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; triển khai triệt để các quy định không uống rượu, bia trong giờ làm việc, không lạm dụng rượu, bia trong các sinh hoạt cộng đồng (ma chay, cưới hỏi...).

- Tăng cường các biện pháp quản lý sản xuất, kinh doanh rượu, bia; phòng ngừa và xử lý rượu, bia nhập lậu, rượu, bia giả, không bảo đảm an toàn.

- Xây dựng, trình Quốc hội phê chuẩn Luật Phòng chống tác hại của sử dụng rượu, bia và tổ chức triển khai thực hiện.

- Thực hiện lộ trình tăng thuế của rượu bia và đồ uống có cồn khác theo Luật về thuế tiêu thụ đặc biệt nhằm giảm sử dụng trong nhân dân.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn, cai nghiện rượu, bia tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng trên phạm vi toàn quốc.

e) Vệ sinh môi trường:

- Xây dựng đề án giảm tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm hóa chất độc hại, ô nhiễm không khí, nước và đất tới sức khỏe con người. Triển khai công tác truyền thông về nguy cơ, nâng cao năng lực giám sát và đánh giá tác động, xây dựng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật, tử vong do tác động của hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường. Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai để giảm thiểu tác động đến sức khỏe người dân.

- Có các giải pháp chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vùng miền, tập quán sinh hoạt của người dân để tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tăng cường triển khai Kế hoạch an toàn nước, giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; vận động người dân sử dụng nước sạch cho ăn uống và

sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh nguồn nước và dụng cụ chứa nước tại các cộng đồng dân cư; thực hiện tốt việc xử lý nước và vệ sinh môi trường trong mùa lũ lụt.

- Truyền thông vận động cộng đồng xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh, chấm dứt đi tiêu bừa bãi; thực hành ủ phân hợp vệ sinh, không sử dụng phân tươi để bón ruộng và xóa bỏ cầu tiêu ao cá.

- Quản lý tốt rác thải sinh hoạt; vận động người dân thu gom, loại bỏ dụng cụ phế thải, hạn chế tối đa nơi sinh sản của muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết.

- Vận động người dân làm chuồng trại xa nhà, không thả rông gia súc; thường xuyên tổ chức những đợt tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, cơ quan, trường học, nơi công cộng và nhà dân để tạo thói quen và nề nếp vệ sinh trong nhân dân.

- Rửa tay với xà phòng:

+ Phối hợp liên ngành để triển khai hiệu quả Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về lợi ích của rửa tay với xà phòng, quy trình rửa tay đúng cách và các thời điểm cần rửa tay với xà phòng.

+ Tổ chức chiến dịch hưởng ứng Ngày thế giới rửa tay với xà phòng hằng năm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình truyền thông rửa tay với xà phòng trong trường học, nơi công cộng và tại hộ gia đình.

+ Trang bị các thiết bị, điều kiện hỗ trợ cho việc rửa tay với xà phòng tại trường học, bệnh viện, nơi làm việc và các nơi công cộng khác.

g) An toàn thực phẩm:

- Phát huy hiệu quả vai trò phối hợp liên ngành về an toàn thực phẩm ở Trung ương và địa phương; tăng cường thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm; quản lý hoạt động quảng cáo các sản phẩm thực phẩm, đặc biệt là các sản phẩm thực phẩm tiếp cận với trẻ em.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh nhân rộng trong toàn quốc các mô hình tiên tiến về quản lý, sản xuất thực phẩm an toàn. Hoàn thiện và áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt trong sản xuất rau, quả, chè và chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản gắn với chứng nhận và công bố tiêu chuẩn chất lượng. Phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm, tư vấn và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm tiên tiến (GMP, GHP, HACCP, ISO 22000).

- Đẩy mạnh triển khai nhân rộng, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên toàn quốc.

- Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Tăng cường kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, thức ăn đường phố, chợ, cảng, trường học, khu công nghiệp và chế xuất.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm làm cơ sở cho công tác quản lý an toàn thực phẩm dựa vào bằng chứng.

h) Phòng chống một số bệnh không lây nhiễm nhằm tăng tỷ lệ phát hiện và quản lý điều trị đối với các bệnh (1) tăng huyết áp, (2) đái tháo đường, (3) một số loại ung thư:

- Cung cấp thông tin dưới nhiều hình thức, hỗ trợ, hướng dẫn người dân biết tự theo dõi tình trạng sức khỏe, chủ động, định kỳ đi đo huyết áp để phát hiện sớm tăng huyết áp, kiểm tra đường huyết để phát hiện sớm đái tháo đường và khám phát hiện sớm một số bệnh ung thư; tư vấn cho người dân thay đổi hành vi; hướng dẫn người mắc bệnh mạn tính tuân thủ việc dùng thuốc và tự chăm sóc tại nhà theo chỉ định của thầy thuốc.

- Phát hiện sớm và quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng:

+ Tăng cường phát hiện sớm người mắc tăng huyết áp, đái tháo đường, nguy cơ tim mạch thông qua theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI), đo huyết áp, xét nghiệm đường máu tối thiểu 1 lần/năm, phát hiện sớm một số ung thư phổ biến qua khám sàng lọc tại y tế cơ sở và cộng đồng.

+ Cung cấp các dịch vụ chẩn đoán, điều trị, quản lý tăng huyết áp, đái tháo đường, nguy cơ tim mạch và chăm sóc hỗ trợ người mắc bệnh ung thư, một số bệnh không lây nhiễm khác theo quy định tại các trạm y tế cấp xã trên toàn quốc.

i) Chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng:

- Triển khai đầy đủ và hiệu quả các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại tuyến y tế cơ sở.

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân, bảo đảm mọi người dân được định kỳ kiểm tra, theo dõi các chỉ số sức khỏe cơ bản như: BMI, huyết áp, đường máu, sàng lọc một số ung thư và theo dõi các chỉ số khác phù hợp theo nhóm tuổi và nhóm đối tượng.

- Lập Hồ sơ quản lý sức khỏe cho cá nhân để cập nhật, theo dõi, quản lý sức khỏe liên tục và lâu dài cho từng đối tượng theo các nhóm tuổi: trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

- Theo dõi tình trạng sức khỏe, quản lý, khám, tư vấn, chuyển tuyến, can thiệp, chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người dân đặc biết đối với quản lý bệnh không lây nhiễm và bệnh mạn tính khác.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, chăm sóc sức khỏe:

+ Kết nối liên tục, chia sẻ thông tin giữa các tuyến để bảo đảm theo dõi sức khỏe, tình trạng bệnh tật của cá nhân một cách liên tục. Bảo đảm bảo mật các thông tin về sức khỏe của người dân.

+ Tích hợp các nội dung vào hệ thống quản lý thông tin để: (1) phát hiện bệnh sớm, (2) quản lý tiêm chủng, (3) giám sát bệnh truyền nhiễm, (4) quản lý các bệnh không lây nhiễm, (5) thống kê báo cáo.

+ Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý sức khỏe toàn dân, có trang thông tin điện tử để giao tiếp, kết nối với người dân, người bệnh, chia sẻ

thông tin, cảnh báo sức khỏe, hỗ trợ người dân thực hành dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, hướng dẫn đi khám, kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng, dùng thuốc và tự chăm sóc.

k) Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

- Tiếp tục phát triển mạng lưới các cơ sở lão khoa trên toàn quốc.

- Thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại tuyến y tế cơ sở, tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội, nhà dưỡng lão và tại cộng đồng:

+ Cung cấp các hướng dẫn chuyên môn, tăng cường đào tạo tập huấn về chăm sóc người cao tuổi kết hợp quản lý bệnh mạn tính tại cộng đồng cho cán bộ y tế tuyến cơ sở và cho người chăm sóc.

+ Triển khai chăm sóc dài hạn lồng ghép quản lý bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng.

+ Xây dựng các gói dịch vụ y tế cơ bản về bệnh mạn tính và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi phù hợp với khả năng chi trả của quỹ bảo hiểm y tế và khả năng của ngân sách nhà nước.

+ Phát triển mạng lưới bác sỹ gia đình để cung cấp các dịch vụ quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi.

+ Thực hiện quản lý sức khỏe và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, xét nghiệm đường máu và các chỉ số cơ bản khác.

l) Chăm sóc sức khỏe người lao động:

- Triển khai các chương trình nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường lao động, các biện pháp an toàn vệ sinh lao động, phòng chống các yếu tố nguy cơ và yếu tố có hại, áp dụng hiệu quả mô hình phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phổ biến tại các cơ sở lao động.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề.

- Phối hợp, lồng ghép khám phát hiện bệnh không lây nhiễm trong khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và quản lý sức khỏe người lao động tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Triển khai quản lý sức khỏe người lao động, bảo đảm người lao động được chăm sóc liên tục, lâu dài bởi bộ phận y tế của các cơ sở lao động hoặc trạm y tế xã.

- Xây dựng và triển khai mô hình gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (các khu vực nông nghiệp, làng nghề, lâm nghiệp và ngư nghiệp...) tập trung vào các nội dung: quản lý sức khỏe người lao động thông qua quản lý hồ sơ sức khỏe chung của người dân trên địa bàn xã; rà soát môi trường làm việc, tư vấn cải thiện điều kiện lao động; thông tin, truyền thông về các yếu tố nguy cơ, yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp; và thực hiện sơ cứu, cấp cứu các trường hợp tai nạn lao động tại trạm y tế xã và cơ sở y tế tương đương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường hợp tác quốc tế, nghiên cứu, ứng dụng về khoa học công nghệ trong lĩnh vực vệ sinh lao động, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp.

m) Ban hành các khuyến nghị, hướng dẫn cho cộng đồng về nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt tài liệu cho trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi. Cung cấp tài liệu chuyên môn kỹ thuật, nâng cao năng lực cho mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở để sàng lọc; tư vấn về sức khỏe, dinh dưỡng và vận động thể lực; cai nghiện thuốc lá, rượu, bia; hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

n) Đảm bảo sự tương thích, lồng ghép hài hòa các giải pháp chuyên môn kỹ thuật của các chương trình, dự án, đề án hiện có của ngành y tế và các ngành khác để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

3. Giải pháp về truyền thông vận động xã hội

a) Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả mạng lưới thông tin truyền thông từ Trung ương tới địa phương để tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về nâng cao sức khỏe, phòng, chống bệnh tật.

b) Nghiên cứu, xây dựng và cung cấp các chương trình, tài liệu truyền thông về sức khỏe phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng:

- Các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng, hướng dẫn thực hành chế độ dinh dưỡng hợp lý ở các gia đình, cơ sở giáo dục và các cơ sở sản xuất, kinh doanh; truyền thông giảm muối trong khẩu phần ăn của người dân, khuyến khích ăn đủ rau và trái cây, giảm tiêu thụ nước ngọt có đường...

- Truyền thông vận động phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao, tổ chức ngày toàn dân đi bộ. Xây dựng, phổ biến và nhân rộng mô hình rèn luyện thể dục thể thao, đi bộ ở nơi làm việc và ở cộng đồng dân cư.

- Truyền thông để phổ biến và thúc đẩy việc tuân thủ Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá, đặc biệt là quy định về môi trường không khói thuốc.

- Chiến dịch truyền thông về phòng chống tác hại của rượu, bia trên thông tin đại chúng và trong các cơ sở giáo dục.

- Truyền thông, vận động người dân đưa trẻ em đi tiêm chủng đầy đủ và đúng lịch.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ chăm sóc sức khỏe người lao động, nhận biết nguy cơ và phòng chống hiệu quả bệnh nghề nghiệp đối với ngành y tế và các ngành nghề lao động đặc thù. Phối hợp với các bộ, ngành thực hiện tháng hành động quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ hằng năm.

- Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về an toàn thực phẩm; xây dựng và phát triển các

kỹ năng truyền thông; nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu và thông điệp truyền thông về an toàn thực phẩm. Phối hợp với Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong tuyên truyền, vận động nhân dân sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn.

- Chú trọng truyền thông về Chương trình Sức khỏe Việt Nam thông qua các phương thức truyền thông phổ biến như truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, internet, thông qua mạng lưới thông tin truyền thông ở cơ sở, gắn với các chương trình giáo dục, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao, các cuộc vận động, các phong trào quần chúng và các hoạt động khác ở cộng đồng.

c) Lồng ghép chủ đề truyền thông của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào các chiến dịch truyền thông, các ngày, sự kiện sức khỏe trong năm như: Ngày Ung thư thế giới, Ngày Sức khỏe thế giới, Ngày Hen toàn cầu, Ngày Phòng chống tăng huyết áp thế giới, Ngày/Tuần lễ Không thuốc lá, Ngày Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính toàn cầu, Ngày Tim mạch thế giới, Ngày Sức khỏe tâm thần thế giới, Ngày Đột quỵ thế giới, Ngày Phòng chống đái tháo đường thế giới, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Nhà vệ sinh thế giới, Ngày Môi trường thế giới, Ngày Nước thế giới, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng, Ngày Thể thao Việt Nam, Tuần lễ Tiêm chủng thế giới, Tháng Hành động vì an toàn thực phẩm và các sự kiện liên quan khác.

4. Giải pháp về nguồn lực

a) Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình Sức khỏe Việt Nam được lồng ghép từ nguồn lực của các chương trình, dự án và từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành. Hằng năm, Bộ Y tế bố trí một khoản kinh phí để hỗ trợ cho một số hoạt động ưu tiên và hỗ trợ việc tổ chức thu thập số liệu, giám sát, đánh giá, xây dựng Báo cáo tiến độ thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

b) Huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để hỗ trợ nguồn lực cho xây dựng các mô hình nâng cao sức khỏe cộng đồng, tạo điều kiện cho người dân thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe.

c) Việc thực hiện các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam cần bảo đảm nguyên lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, lồng ghép trên cơ sở tăng cường, điều chỉnh, mở rộng các chương trình, dự án, đề án của các bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan gồm:

- Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới;
- Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;
- Chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số;
- Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động;
- Chương trình Sữa học đường;
- Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh;

- Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030;

- Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam 2011 - 2030;

- Đề án Y tế lao động xã hội nâng cao chất lượng chăm sóc người có công với cách mạng, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, người tâm thần 2018 - 2030;

- Đề án phát triển nghề công tác xã hội đến năm 2030;

- Đề án Trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011 - 2020;

- Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân 2016 - 2020;

- Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm 2015 - 2025;

- Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng đến 2020;

- Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020;

- Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020;

- Phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân;

- Phong trào Làng Văn hoá sức khoẻ;

- Phong trào Vệ sinh yêu nước;

- Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh;

- Các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch có liên quan khác.

Kinh phí hiện có cho các chương trình, dự án, đề án cần phải được ưu tiên phân bổ nhằm đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

a) Chủ động, tích cực hợp tác với các quốc gia, các viện, trường, các hiệp hội, tổ chức trong khu vực và trên thế giới trong nghiên cứu, đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

b) Tăng cường hợp tác với Tổ chức Y tế thế giới và các cơ quan, tổ chức quốc tế và trong nước khác để hỗ trợ, thúc đẩy triển khai thực hiện các hoạt động; lồng ghép các dự án hợp tác quốc tế với hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam nhằm thực hiện được các mục tiêu sức khỏe.

c) Tăng cường chia sẻ các bài học kinh nghiệm quốc tế trong việc triển khai các chương trình, hoạt động để đạt các mục tiêu sức khỏe của Việt Nam.

6. Giải pháp về theo dõi, giám sát và đánh giá

a) Xây dựng khung giám sát và bộ công cụ để theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu, mục tiêu và hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam, sử dụng thống nhất trên toàn quốc.

b) Thực hiện các điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam. Lồng ghép thu thập số liệu trong điều tra quốc gia yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm,

điều tra sức khỏe trường học, điều tra dinh dưỡng và điều tra của các ngành, các lĩnh vực.

c) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành để tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất thêm các lĩnh vực, các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Thủ tướng về việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

Giao Bộ Y tế là cơ quan thường trực để điều phối chung các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

Mỗi năm, Bộ Y tế lựa chọn một chủ đề sức khỏe ưu tiên để tổ chức phát động hưởng ứng Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

2. Bộ Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên phạm vi cả nước.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành nghiên cứu, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình thuộc ngành y tế; hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình; chủ trì, phối hợp để cung cấp các thông tin về Chương trình Sức khỏe Việt Nam cho các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; định kỳ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành các chính sách, quy định pháp luật về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh, phòng chống các yếu tố nguy cơ với sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cho học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo triển khai hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và giảng dạy kiến thức cho trẻ em, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục về dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh và phòng, chống các yếu tố nguy cơ sức khỏe.

- Tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động về chăm sóc mắt, bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, sữa học đường, tăng cường vận động thể lực và chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với trẻ em, học sinh, sinh viên trong các trường học.

4. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành các chính sách, quy định pháp luật về phát triển thể dục, thể thao quần chúng.

- Chỉ đạo, triển khai các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân tham gia phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao và các hoạt động khác của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Phối hợp với Bộ Y tế triển khai chương trình 10.000 bước chân mỗi ngày và triển khai các chương trình, phong trào rèn luyện thể dục thể thao khác trong cộng đồng.

- Phối hợp chỉ đạo xây dựng mô hình thành phố lành mạnh, khu du lịch không khói thuốc, làng, bản, khu dân cư văn hóa. Lồng ghép các chỉ tiêu và nội dung liên quan của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam 2011 – 2030, Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 và các chương trình, đề án khác.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền các chính sách nhằm khuyến khích, hướng dẫn sản xuất các thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; chỉ đạo triển khai có hiệu quả việc nhân rộng, phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủ sản an toàn trên toàn quốc; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương phát triển sản xuất nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó có nội dung về các can thiệp dinh dưỡng giảm thấp còi, bảo đảm cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm thực phẩm sạch; kiểm soát dư lượng phân bón, các chất tăng trưởng, chất kháng sinh, chất phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm nông nghiệp.

6. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, bổ sung các quy định pháp luật, các đề án quy hoạch, tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác phát triển đô thị nhằm bảo đảm không gian sống và cơ sở vật chất cho tăng cường vận động thể lực, nâng cao chất lượng sống cho cư dân đô thị. Bảo đảm các tiện ích phục vụ người khuyết tật và người cao tuổi.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường tăng cường các hoạt động ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai; đẩy mạnh thực thi Luật Bảo vệ môi trường; bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm giảm thiểu tối đa các yếu tố nguy hại đến sức khỏe nhân dân theo thẩm quyền nhằm thực hiện mục tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Quản lý, kiểm soát việc quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với thuốc lá, rượu, bia và các sản phẩm khác có yếu tố nguy cơ sức khỏe.

9. Bộ Giao thông vận tải tăng cường quản lý, kiểm soát theo quy định đối với các phương tiện giao thông cơ giới thải ra môi trường các chất có nguy cơ đối với sức khỏe; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển giao thông công cộng và hạ tầng cơ sở cho giao thông phi cơ giới; bảo đảm các tiện ích phục vụ cho người khuyết tật, người cao tuổi khi tham gia giao thông.

10. Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí đầu tư để triển khai thực hiện Chương trình; vận động, huy động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

11. Bộ Tài chính

- Nghiên cứu đề xuất mức thuế và thực hiện lộ trình tăng thuế phù hợp đối với thuốc lá, đồ uống có cồn và các sản phẩm kinh doanh có điều kiện khác để hạn chế sử dụng sản phẩm không có lợi cho sức khỏe.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các chính sách tài chính khuyến khích sản xuất và tiêu dùng sản phẩm an toàn, có lợi cho sức khỏe; khuyến khích xã hội hóa các hoạt động và cung cấp dịch vụ nâng cao sức khỏe.

12. Bộ Công Thương

- Tăng cường quản lý về kinh doanh thuốc lá, đồ uống có cồn và các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe khác nhằm giảm thiểu yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe từ các sản phẩm này.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật quy định về dán nhãn minh bạch sản phẩm, in thông tin cảnh báo sức khỏe trên các sản phẩm thuốc lá, đồ uống có cồn và các sản phẩm khác có yếu tố nguy cơ với sức khỏe.

13. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm môi trường làm việc nâng cao sức khỏe cho người lao động, giảm thiểu các yếu tố nguy cơ gây bệnh; phối hợp với Tổng liên đoàn lao động

Việt Nam để tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm cho người lao động.

- Phối hợp với Bộ Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc nhằm phát hiện sớm, điều trị, phục hồi chức năng và quản lý sức khỏe cho người lao động mắc bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp và các bệnh tật khác.

- Phối hợp với Bộ Y tế nâng cao chất lượng chăm sóc y tế, chỉnh hình và phục hồi chức năng đối với người cao tuổi và một số đối tượng cần chăm sóc đặc thù khác.

14. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp để phổ biến thông tin, tri thức về Chương trình Sức khỏe Việt Nam và nâng cao sức khỏe thông qua Cổng Thông tin "Hệ tri thức Việt số hóa" và các chương trình liên quan.

15. Đề nghị Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

- Chỉ đạo, triển khai và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Chỉ đạo các hoạt động lồng ghép các chỉ tiêu xây dựng Chương trình trong cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

16. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- Căn cứ theo chỉ tiêu, mục tiêu và các nội dung của Chương trình Sức khỏe Việt Nam, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo chức năng, lĩnh vực phụ trách.

- Hằng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình gửi về Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

17. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Căn cứ theo các chỉ tiêu, mục tiêu của quốc gia để chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phù hợp với yêu cầu của địa phương, đưa các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trực tiếp chỉ đạo các cấp, các ngành tại địa phương triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của Chương trình trên địa bàn, bố trí đủ ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại địa phương.

- Hằng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc Hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). 155

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc